TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/DS-ST.
Ngày: 22-4-2024.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**.
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Nguyễn Văn Vũ**.
+ Ông **Phạm Văn Út**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Quỳnh Như** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Nhân** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trương Văn M** - Sinh năm: 1969, địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre - Đại diện hộ kinh doanh Trương Văn M.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Phan Văn D** - Sinh năm: 1989, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

- *Bị đơn:*

+ Ông **Cao Văn C** - Sinh năm: 1955; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

+ Bà **Nguyễn Thị T** - Sinh năm: 1957, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nguyên đơn cũng như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2011, nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận miệng là nguyên đơn sẽ giao thức ăn chăn nuôi heo cho bị đơn. Theo thỏa thuận thì bị đơn sẽ thanh toán tiền mua thức ăn chăn nuôi theo từng đợt khi bán. Đến tháng 12 năm 2027 thì hai bên ngưng giao dịch do bị đơn bán heo nhiều lần nhưng không thanh toán đủ tiền mua thức ăn chăn nuôi cho nguyên đơn.

Tính đến tháng 12 năm 2017, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 96.626.000VNĐ (chín mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi sáu ngàn đồng), sau đó bị đơn có trả làm nhiều lần được tổng số tiền là 14.500.000VNĐ (mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn thiếu là 82.126.000VNĐ (tám mươi hai triệu một trăm hai mươi sáu ngàn đồng), không yêu cầu trả tiền lãi.

Tại biên bản lấy lời khai và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bị đơn là ông Cao Văn C, bà Nguyễn Thị T trình bày: Ông, bà thừa nhận là cho đến hiện nay thì ông, bà còn thiếu ông M số tiền mua thức ăn chăn nuôi heo là 82.126.000VNĐ (tám mươi hai triệu một trăm hai mươi sáu ngàn đồng), ông bà đồng ý trả số tiền này (82.126.000VNĐ) cho ông M nhưng yêu cầu được trả dần hàng năm với mức là 5.000.000VNĐ/năm vì ông bà đã già yếu, có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Bị đơn thừa nhận là còn nợ nguyên đơn 82.126.000VNĐ (tám mươi hai triệu một trăm hai mươi sáu ngàn đồng) tiền mua thức ăn chăn nuôi heo đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền này nhưng yêu cầu được trả dần hàng năm với mức là 6.000.000VNĐ/năm (sáu triệu đồng trên một năm).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh

tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 288, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số nợ là 82.126.000VNĐ (tám mươi hai triệu một trăm hai mươi sáu ngàn đồng), ghi nhận việc nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Nguyên đơn có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản đối với bị đơn có địa chỉ tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Lời trình bày của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc mua bán thức ăn chăn nuôi heo và số tiền bị đơn còn nợ đã được bị đơn thừa nhận và phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở xác định được: Hiện nay bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền mua thức ăn chăn nuôi heo là 82.126.000VNĐ (tám mươi hai triệu một trăm hai mươi sáu ngàn đồng) nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền này.

[4] Bị đơn yêu cầu được trả nợ theo phương thức là trả dần hàng năm với mức là 6.000.000VNĐ/năm nhưng nguyên đơn không đồng ý, trong khi đó khoản nợ nêu trên đã đến hạn trả và bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào cho thấy giữa hai bên có thỏa thuận là bị đơn được trả nợ theo phương thức là mỗi năm trả một lần hay được trả nhiều lần nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của bị đơn.

[5] Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi nên ghi nhận.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên bị đơn được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 288, 357, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 12, 15, 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể:

1/ Buộc bị đơn là ông Cao Văn C và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trương Văn M - Đại diện hộ kinh doanh Trương Văn M số nợ gốc là 82.126.000VNĐ (tám mươi hai triệu một trăm hai mươi sáu ngàn đồng). Ghi nhận việc ông Trương Văn M - Đại diện hộ kinh doanh Trương Văn M không yêu cầu trả tiền lãi.

2/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1) Hoàn trả lại cho ông Trương Văn M - Đại diện hộ kinh doanh Trương Văn M số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 2.053.000VNĐ (hai triệu không trăm năm mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003127 ngày 29/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

3.2) Bị đơn là ông Cao Văn C, bà Nguyễn Thị T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Mỏ Cày Bắc;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên